

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **95/2021/DS-ST**

Ngày: 24 - 6 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xương.

Ông Nguyễn Ngọc Thịnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hui, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số: 126/2021/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà E. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà S. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2.2. Ông X. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà U. Địa chỉ cư trú cuối cùng: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà E trình bày: Vào năm 2019, bà E có mở 02 dây hui do bà E làm chủ hui và vợ chồng bà S, ông X có tham gia làm thành viên, cụ thể như sau:

- Dây hụi 1: Loại hụi 1.000.000đồng, mở ngày 20/6/2019 âm lịch (22/7/2019, dự định mãn ngày 20/01/2022), hụi 01 tháng khui 01 lần vào ngày mở hụi, gồm có 32 phần (chân) với 32 người tham gia làm hụi viên, bà S và ông X tham gia 01 phần. Bà S và ông X đã hốt 01 phần hụi này và bà E đã giao đủ tiền hụi cho bà S và ông X. Sau khi hốt hụi, bà S và ông X đóng lại hụi chết được 13 lần (ngày 20/5/2020) thì ngưng đóng hụi cho bà E cho đến nay. Như vậy, dây hụi này bà S và ông X còn nợ bà E tiền hụi chết là 07 lần x 01 phần = 7.000.000đồng.

- Dây hụi 2: Loại hụi 1.000.000đồng, mở ngày 15/9/2019 âm lịch (13/10/2019, dự định mãn ngày 15/8/2022), hụi 01 tháng khui 01 lần vào ngày mở hụi, gồm có 37 phần với 37 người tham gia làm hụi viên, bà S và ông X tham gia 02 phần. Bà S và ông X đã hốt 02 phần hụi này và bà E đã giao đủ tiền hụi cho bà S và ông X. Sau khi hốt hụi, bà S và ông X đóng lại hụi chết được 10 lần (ngày 15/5/2020) ở cả 02 phần hụi này thì ngưng đóng hụi cho bà E cho đến nay. Như vậy, dây hụi này bà S và ông X còn nợ bà E tiền hụi chết là 07 lần x 02 phần = 14.000.000đồng.

Tổng cộng, bà S và ông X còn nợ bà E đối với 03 phần hụi của 02 dây hụi nêu trên với tổng số tiền là 21.000.000đồng.

Nay bà E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S và ông X có nghĩa vụ trả lại cho bà E số tiền hụi còn nợ là 21.000.000đồng.

** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà S trình bày:* Năm 2019, bà E có mở 01 dây hụi 1.000.000đồng do bà E làm chủ hụi, khi mở hụi có bà U vô hụi thì bà E kêu bà S tham gia mới cho bà U vô, vì bà S thương người nên mới đồng ý tham gia, từ đó bà U đóng hụi cho bà E đến ngày 16/12/2020, lý do gì Tòa án lại mời bà S thì bà S không rõ.

** Bị đơn ông X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà U:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông X và bà U nhưng ông X và bà U không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này; riêng ông X có nộp cho Tòa án 01 đơn yêu cầu được miễn nộp tiền án phí.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà E vắng mặt nhưng trong văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì bà E vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà S và ông X cùng có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền hụi còn nợ là 21.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện, bà E yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S và ông X có nghĩa vụ trả lại cho bà E số tiền hui còn nợ là 21.000.000đồng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà S và ông X có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà E vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; các bị đơn bà S, ông X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Quá trình giải quyết vụ án trước đây theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 03/2021/QĐST-DS ngày 08/01/2021, TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã có tiến hành xác minh, thu thập một số tài liệu. Xét thấy, các tài liệu này có liên quan đến vụ án này, đã được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án hoặc do Tòa án thu thập được theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án trước đây và phù hợp với quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên các tài liệu này tiếp tục được TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng sử dụng làm chứng cứ khi giải quyết vụ án này.

[5] Về nội dung vụ án: Bà E cho rằng bà S có tham gia chơi 01 phần hui tại dây hui mở ngày 20/6/2019 âm lịch và 02 phần hui tại dây hui mở ngày 15/9/2019 âm lịch, từ đó bà E yêu cầu bà S và chồng là ông X có nghĩa vụ trả lại cho bà E số tiền hui còn nợ là 21.000.000đồng. Bà S thì cho rằng bà S chỉ tham gia chơi giùm cho con dâu của bà S và ông X là bà U 01 phần hui tại dây hui mở ngày 20/6/2019 âm lịch, còn 02 phần hui tại dây hui mở ngày 15/9/2019 âm lịch thì bà S không tham gia chơi mà do bà U tự tham gia chơi và bà E, bà U tự để tên bà S vào trong danh sách hui, nên bà S không đồng ý trả tiền nợ hui theo yêu cầu của bà E.

[6] Xét thấy, tại thời điểm tham gia hòa giải cơ sở tại ấp A trước thời điểm bà E khởi kiện ra Tòa án thì bà S đều thừa nhận có tham gia chơi 03 phần hui tại 02 dây hui nêu trên của bà E và bà S cũng đồng ý trả tiền nợ hui theo yêu cầu của bà E. Tờ cam kết đề ngày 16/8/2020 của bà S (BL số 31) có nội dung: *Bà S xin*

cam kết trước Tổ hòa giải, bà S thừa nhận có chơi 03 chân hụi. Nay bà S cam kết đúng ngày gom hụi của 03 chân hụi trên bà S sẽ đóng đúng hạn, nếu bà S sai lời hứa bà S hoàn toàn chịu trách nhiệm. Biên bản hòa giải cơ sở ngày 10/9/2020 do Tổ hòa giải ấp A lập (BL số 32) có nội dung: Bà E yêu cầu bà S phải trả số tiền hụi mà bà S đã hốt hụi của bà E mà bà S đã hứa nhiều lần không trả cho bà E những dây hụi mà bà S đã hốt và đồng thời bà S đã có làm tờ cam kết đã đóng đầy đủ cho bà E hàng tháng, có biên bản hòa giải cơ sở của ấp A. Bà S xin hứa chừng nào con bà S có tiền gửi về cho bà S thì bà S mới đóng hụi cho bà E. Về vấn đề này, tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2021 (BL số 51-52) ông H là thành viên Tổ hòa giải ấp A xác nhận: Vào ngày 10/9/2020 Tổ hòa giải ấp A có tổ chức hòa giải về tranh chấp nợ hụi theo đơn yêu cầu của bà E đối với bà S. Nội dung Biên bản hòa giải cơ sở ngày 10/9/2020 (tại BL số 32) đúng với lời trình bày của bà E và bà S tại buổi hòa giải do ông H là người viết biên bản, bà E và bà S sau khi nghe Tổ hòa giải thông qua nội dung đều có ký tên vào biên bản. Tại buổi hòa giải trước khi tiến hành hòa giải thì Tổ hòa giải cũng có tiến hành công bố nội dung Đơn yêu cầu hòa giải đề ngày 30/8/2020 của bà E (tại BL số 33); bà S cũng thừa nhận có nợ tiền hụi của bà E tổng cộng 03 phần hụi tại 02 dây hụi tháng 1.000.000đồng theo yêu cầu của bà E và cũng đồng ý trả, nhưng do chưa có tiền trả nên bà S hứa hẹn khi nào con dâu gửi tiền về thì bà S sẽ trả tiền hụi cho bà E. Tại buổi hòa giải bà S không có ý kiến phản đối với phần hụi, dây hụi nào theo yêu cầu của bà E. Trên thực tế buổi hòa giải ngày 10/9/2020 là hòa giải lần 2, còn trước đó hòa giải lần 1 được tổ chức vào ngày 16/8/2020 thì hai bên đã hòa giải thành, theo đó bà S thừa nhận có nợ tiền hụi của bà E tổng cộng là 03 phần hụi tại 02 dây hụi 1.000.000đồng theo yêu cầu của bà E, bà S còn làm Tờ cam kết đề ngày 16/8/2020 thừa nhận sự việc bà S nợ 03 phần hụi và hứa sẽ trả cho bà E trong thời hạn 01 tháng. Do sau đó bà S không thực hiện nên bà E mới tiếp tục đòi từ đó mới có buổi hòa giải lần 2 vào ngày 10/9/2020 như trên. Trong quá trình hòa giải giữa hai bên vào ngày 16/8/2020 và ngày 10/9/2020 bà S đều thừa nhận nợ 03 phần hụi tại 02 dây hụi tháng 1.000.000đồng theo yêu cầu của bà E và đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ hụi cho bà E. Tuy nhiên, sau này vì lý do gì bà S đổ trách nhiệm qua cho con dâu bà S thì không rõ.

[7] Tại Biên bản xác minh ngày 14/4/2021 (BL số 54-55) các ông, bà H1, H2, H3, H4, H5, H6, H7, H8, H9, H10 là các hụi viên có tham gia chơi 02 dây hụi nêu trên của bà E đều xác nhận: Trong quá trình tham gia chơi 02 dây hụi thì chủ hụi là bà E sẽ photo trong 02 danh sách hụi cho từng hụi viên giữ, ở dây hụi mở ngày 20/6/2019 âm lịch bà S (thường gọi là bà 3S) tham gia chơi 01 phần và ở dây hụi mở ngày 15/9/2019 âm lịch bà S tham gia chơi 02 phần, đều để tên là “Chị 3S”, người trực tiếp tham gia chơi hụi và đứng tên trong 02 danh sách hụi là bà S chứ không phải bà U, còn bà U là ai thì các hụi viên khác không rõ, bà S đã hốt hụi đối với cả 03 phần hụi tại 02 dây hụi. Riêng bà H1 và bà H7 còn xác nhận: Trước đây bà H1 và bà H7 có chứng kiến việc bà S dẫn bà U đến nhà bà E để xin bà E cho bà U (khi đó bà S giới thiệu bà U là con dâu) được chơi 02 dây hụi của bà E, do trước đó bà U có tự mình đến xin nhưng bà E từ chối cho bà U chơi vì bà E cho rằng không biết rõ bà U là ai, lúc này bà E mới nói là bà E chỉ đồng ý cho

bà S chơi hụi, đứng tên trong 02 danh sách hụi và chịu trách nhiệm về việc chơi hụi, từ đó bà S đồng ý đứng tên trong 02 danh sách hụi mà bà E có gửi cho tất cả các hụi viên.

[8] Các ông, bà nêu trên đều không có bà con, thân thích gì với bà E và cũng không có mâu thuẫn, xích mích gì với bà S và ông X nên lời xác nhận của họ là trung thực, đảm bảo tính khách quan để làm chứng cứ trong vụ án này. Đồng thời, lời thừa nhận của bà S nêu trên về việc có nợ tiền hụi và đồng ý trả tiền nợ hụi theo yêu cầu của bà E được đưa ra tại thời điểm hòa giải cơ sở, là đảm bảo tính trung thực vì khi đó tranh chấp giữa các bên chỉ mới phát sinh và chưa được đưa ra Tòa án, nên có căn cứ xác định là đúng sự thật; sau khi bà E khởi kiện ra Tòa án thì bà S mới thay đổi ý kiến khi cho rằng bà S chỉ tham gia chơi giùm bà U 01 phần hụi và bà U tự chơi 02 phần hụi còn lại, nhưng bà S cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày đã được thay đổi sau này của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận. Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định bà E là chủ hụi của dây hụi mở ngày 20/6/2019 âm lịch và dây hụi mở ngày 15/9/2019 âm lịch; bà S là người đã trực tiếp thỏa thuận với bà E về việc tham gia chơi 02 dây hụi này và được bà E đồng ý, từ đó bà S đã tham gia khui hụi, đóng hụi, hốt hụi và có tên trong 02 danh sách hụi, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì hụi viên (thành viên) trong trường hợp này được xác định là bà S chứ không phải bà U. Do vậy, bà S phải có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền hụi còn nợ theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 nêu trên.

[9] Về trách nhiệm trả nợ: Tại thời điểm bà S tham gia chơi hụi của bà E thì bà S và ông X là vợ chồng, sống chung một nhà tại ấp A và tại Biên bản hòa giải ngày 16/11/2020 (BL số 45-46) ông X cũng thừa nhận là ông X thực tế có nhận thay tiền hốt hụi do bà E giao cho bà U 02 lần và bà S 01 lần, sau khi nhận tiền hốt hụi thì ông X đã giao lại cho bà U và bà S, việc bà S tham gia chơi hụi của bà E như thế nào thì ông X không biết. Xét thấy, với việc bà S và ông X là vợ chồng, sống chung một nhà tại ấp A, bà E tổ chức chơi hụi diễn ra tại ấp A với hầu hết các hụi viên tham gia (*gồm các ông, bà đã được nêu tên tại mục [7] nêu trên*) đều cư trú tại ấp A và ông X cũng đã trực tiếp nhận tiền hốt hụi từ bà E đến tận 03 lần thì việc ông X cho rằng mình không biết gì về việc bà S tham gia chơi hụi của bà E là không hợp lý; đồng thời, ông X cũng không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của bà E, cần thiết phải buộc ông X có nghĩa vụ cùng với bà S trả cho bà E số tiền hụi còn nợ theo quy định tại các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[10] Về số tiền nợ hụi: Đối với dây hụi mở ngày 20/6/2019 âm lịch, bà E cho rằng bà S và ông X đã đóng hụi chết đến lần khui hụi thứ 13 ngày 20/5/2020 âm lịch thì ngưng đóng, nên bà E yêu cầu bà S và ông X trả số tiền hụi chết còn nợ là 07 lần (*từ lần khui hụi thứ 14 ngày 20/6/2020 âm lịch đến lần khui hụi thứ 20 ngày 20/12/2020 âm lịch*) với số tiền 07 lần x 01 phần = 7.000.000đồng. Còn đối với dây hụi mở ngày 15/9/2019 âm lịch, bà E cho rằng bà S và ông X đã đóng hụi

chết đến lần khai hui thứ 10 ngày 15/5/2020 âm lịch là ngưng đóng, nên bà E yêu cầu bà S và ông X trả số tiền hui chết còn nợ là 07 lần (*từ lần khai hui thứ 11 ngày 15/6/2020 âm lịch đến lần khai hui thứ 17 ngày 15/12/2020 âm lịch*) với số tiền 07 lần x 02 phần = 14.000.000đồng. Xét thấy, việc bà E cho rằng bà S và ông X ngưng đóng hui chết từ lần khai hui thứ 14 ngày 20/6/2020 âm lịch (*nhằm ngày 09/8/2020*) và từ lần khai hui thứ 11 ngày 15/6/2020 âm lịch (*nhằm ngày 04/8/2020*) là có căn cứ và phù hợp về mặt thời gian, diễn biến sự việc; bởi lẽ, do bà S và ông X ngưng đóng hui chết đối với cả 02 dây hui vào các ngày 04/8/2020, 09/8/2020 thì mới có sự việc tranh chấp giữa các bên phải hòa giải cơ sở tại ấp A vào ngày 16/8/2020 dẫn đến việc bà S lập Tờ cam kết đề ngày 16/8/2020 như đã nêu tại mục [6] nêu trên. Vì vậy, việc bà E yêu cầu buộc bà S và ông X cùng có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền hui còn nợ là 21.000.000đồng, là có căn cứ để chấp nhận.

[11] Do tính đến nay 02 dây hui theo yêu cầu khởi kiện của bà E vẫn chưa mãn, nên đối với các lần khai hui mà bà E chưa có yêu cầu trong vụ án này (*đối với dây hui mở ngày 20/6/2019 âm lịch là từ lần khai hui thứ 21 ngày 20/01/2021 âm lịch trở đi cho đến khi hui mãn; đối với dây hui mở ngày 15/9/2019 âm lịch là từ lần khai hui thứ 18 ngày 15/01/2021 âm lịch trở đi cho đến khi hui mãn*) thì sau này bà E có quyền tiếp tục khởi kiện, tranh chấp trong một vụ án khác.

[12] Đối với việc giữa bà S, ông X với bà U có thỏa thuận như thế nào về việc bà U khai hui, đóng hui, hốt hui giùm cho bà S, ông X thì đó là thỏa thuận riêng giữa bà S, ông X với bà U; trường hợp sau này có tranh chấp về các vấn đề này thì bà S, ông X có quyền khởi kiện, tranh chấp trong một vụ án khác.

[13] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà S và ông X cùng có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền hui còn nợ là 21.000.000đồng.

[14] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về án phí sơ thẩm: Bà E không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 525.000đồng đã nộp; bà S và ông X phải chịu án phí sơ thẩm là 21.000.000đồng x 5% = 1.050.000đồng tương ứng trên số tiền hui còn nợ bị Tòa án buộc trả, nhưng do bà S và ông X đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) và có đơn yêu cầu được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm, nên bà S và ông X được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 93, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 288, 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 4, Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà E về việc yêu cầu các bị đơn bà S và ông X trả số tiền hội còn nợ.

Buộc bà S và ông X cùng có nghĩa vụ trả cho bà E số tiền hội còn nợ là 21.000.000đồng (*Hai mươi một triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà E đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà S và ông X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà E không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà E đã nộp là 525.000đồng (*Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008883, ngày 05 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bà S và ông X được miễn nộp toàn bộ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);

- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt